TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2023/HN-ST
Ngày: 24/7/2023
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Bích Vân.
2. Bà Hà Thị Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hiển – kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 619/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim P, sinh năm 1993 (yêu cầu xét xử vắng mặt).

ĐKTT: Tập A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tạm trú: số I, L, phường H, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Kim P trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Đình C sống chung vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/3/2013. Hôn nhân

hoàn toàn tự nguyện. Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh C là do thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến tháng 11/2014 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm, không còn tiếng nói chung, anh C không biết chăm lo cho gia đình. Chị khuyên nhiều lần nhưng không được. Cha mẹ hai bên cũng tạo điều kiện để chị và anh C hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị và anh C đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh C đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Chị xác định không còn tình cảm với anh C và nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhựt H, sinh ngày 02/10/2010, từ khi sống ly thân đến nay cháu H do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình C không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị P, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim P đối với anh Nguyễn Đình C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Nhựt H cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu

anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Trần Thị Kim P vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Đình C được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim P và anh Nguyễn Đình C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 12/3/2013. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị P và anh C chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh C không biết chăm lo cho gia đình, làm cho vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn, chị P, anh C cũng tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị P và anh C đã sống ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên nhiều lần gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh C vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị P. Điều đó thể hiện anh C đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh C là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh C là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Trần Nhựt H, sinh ngày 02/10/2010 từ khi chị P và anh C sống ly thân, cháu H vẫn do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung của chị P là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận; Chị P nuôi con chung và tự nguyện

không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Trần Thị Kim P có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kim P đối với anh Nguyễn Đình C

2. Về con chung: Chị Trần Thị Kim P có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Nhựt H, sinh ngày 02/10/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh Nguyễn Đình C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Đình C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Trần Thị Kim P có nghĩa vụ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000284 ngày 02/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí vụ kiện chị P đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Văn Long